

### PHỤ LỤC 3 - CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ

(Gửi kèm theo công văn số /BYT-BMTE ngày tháng năm 2021)

TT	Nội dung	Chỉ số đo lường	Mục tiêu 2025	Mục tiêu 2030	Khái niệm	Nguồn số liệu	Đơn vị chịu trách nhiệm
<b>I. Chỉ số đánh giá cuối kỳ (theo Quyết định 1896/QĐ-TTg ngày 25/12/2019)</b>							
Mục tiêu chung	<b>Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của phụ nữ có thai và trẻ em dưới 2 tuổi, góp phần nâng cao tầm vóc, thể lực người Việt Nam</b>						
Mục tiêu cụ thể 1	<b>Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của phụ nữ có thai và trẻ em</b>	% suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi	20%	19%	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi (SDD thấp còi): Là tỷ lệ phần trăm trẻ em dưới 5 tuổi có chiều cao theo tuổi thấp dưới trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của chiều cao trung vị của quần thể tham khảo so với tổng số trẻ em dưới 5 tuổi được đo	Điều tra giám sát dinh dưỡng hàng năm.	Viện Dinh dưỡng
		% suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi	11% DTTS: 15%	10.50%	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi (SDD nhẹ cân): Là tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi có cân nặng thấp dưới trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của cân nặng trung vị của quần thể tham khảo so với tổng số trẻ em dưới 5 tuổi được cân	Điều tra giám sát dinh dưỡng hàng năm.	Viện Dinh dưỡng
		% trẻ có cân nặng sơ sinh thấp (dưới 2.500 gram)	8%	7%	Là tỷ lệ trẻ có cân nặng sơ sinh thấp (dưới 2.500 gram) trên tổng số trẻ đẻ sống được cân	Báo cáo định kỳ hàng năm của cơ sở y tế	Trung tâm kiểm soát bệnh tật (Khoa Sức khỏe sinh sản), Vụ Sức khỏe Bà mẹ Trẻ em
		% thiếu máu ở phụ nữ có thai	23% DTTS: 25.5%	20% DTTS: 23.5%	Tỷ lệ phụ nữ có thai có nồng độ Hemoglobin trong máu <11 g/dL	Điều tra vi chất quốc gia	Trung tâm kiểm soát bệnh tật (Khoa Dinh dưỡng), Viện Dinh dưỡng
Mục tiêu cụ thể 2	<b>Nâng cao tỷ lệ thực hành về chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời cho người chăm sóc trẻ</b>	% trẻ sơ sinh được bú mẹ trong vòng 1 giờ đầu sau sinh	80%	85%	Là tỷ lệ trẻ sinh ra được bú mẹ trong vòng 1h đầu sau sinh so với tổng số trẻ sinh sống trong năm	Báo cáo định kỳ hàng năm của cơ sở y tế	Trung tâm kiểm soát bệnh tật (Khoa Sức khỏe sinh sản), Vụ Sức khỏe Bà mẹ Trẻ em
		% trẻ được bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu	25%	30%	Là tỷ lệ trẻ 0-5 tháng được bú mẹ hoàn toàn trong 24h qua so với tổng số trẻ 0-5 tháng tuổi	Tổng điều tra dinh dưỡng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật (Khoa Dinh dưỡng), Viện Dinh dưỡng

	% trẻ được bú mẹ đến 24 tháng tuổi hoặc lâu hơn	60%	70%	Là tỷ lệ trẻ 20-23 tháng được bú mẹ so với tổng số trẻ 20-23 tháng tuổi	Tổng điều tra dinh dưỡng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật (Khoa Dinh dưỡng), Viện Dinh dưỡng
	% trẻ từ 6 đến 23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng cách	70%	80%	Là tỷ lệ trẻ 6-23 tháng được ăn bổ sung đúng cách so với tổng số trẻ 6-23 tháng tuổi	Tổng điều tra dinh dưỡng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật (Khoa Dinh dưỡng), Viện Dinh dưỡng

## II. Chỉ số đánh giá quá trình triển khai hoạt động

1	<b>Công tác chỉ đạo, điều hành</b>	Số tỉnh đưa chỉ tiêu về giảm suy dinh dưỡng thấp còi (hoặc chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời) vào trong hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương	ĐB: 75%, MN: 50%	ĐB: 90%, MN: 75%	Là số tỉnh có bản kế hoạch PTKTXH hàng năm của UBND tỉnh có ít nhất 1 chỉ tiêu về giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi hoặc chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời	Quyết định phê duyệt và ban hành Kế hoạch PTKTXH	Sở Y tế
		Số tỉnh phê duyệt kế hoạch triển khai phòng chống suy dinh dưỡng hàng năm có can thiệp chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời	ĐB: 75%, MN: 50%	ĐB: 90%, MN: 75%	Là số tỉnh phê duyệt kế hoạch triển khai phòng chống suy dinh dưỡng hàng năm có can thiệp chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời	Kế hoạch triển khai phòng chống suy dinh dưỡng hàng năm	Sở Y tế
		Số tỉnh có phân bổ ngân sách triển khai chương trình chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời	ĐB: 75%, MN: 50%	ĐB: 90%, MN: 75%	Là số tỉnh có phân bổ ngân sách triển khai chương trình chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời	Quyết định phê duyệt ngân sách	Sở Y tế
		Số tỉnh phê duyệt kế hoạch triển khai chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời có phân công nhiệm vụ cụ thể cho các ban/ngành liên quan	ĐB: 75%, MN: 50%	ĐB: 90%, MN: 75%	Là số tỉnh phê duyệt kế hoạch triển khai chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời có phân công nhiệm vụ cụ thể cho các ban/ngành	Kế hoạch triển khai chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày	Sở Y tế
		Số tỉnh phê duyệt kế hoạch triển khai chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời có nguồn lực dự trữ sẵn sàng đáp ứng với thiên tai, thảm họa	ĐB: 75%, MN: 50%	ĐB: 90%, MN: 75%	Là số tỉnh phê duyệt kế hoạch triển khai chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời có nguồn lực dự trữ sẵn sàng đáp ứng với thiên tai, thảm họa	Kế hoạch triển khai chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày	Sở Y tế

		Số lần/đợt thanh tra Nghị định 100/2014/NĐ-CP			Là số lần/đợt thanh tra phối hợp hoặc thanh tra chuyên đề về tuân thủ Nghị định 100/2014/NĐ-CP tại cơ sở y tế, điểm bán hàng	Biên bản thanh tra	Sở Y tế
		Số đơn vị vi phạm Nghị định 100/2014/NĐ-CP tại cơ sở y tế, điểm bán hàng	0 có vi phạm	0 có vi phạm	Là số đơn vị vi phạm được phát hiện từ các cuộc thanh tra	Biên bản thanh tra	Sở Y tế
		Số tỉnh có hỗ trợ cho cộng tác viên dinh dưỡng			Là số tỉnh có hỗ trợ cho cộng tác viên dinh dưỡng	Quyết định của tỉnh	Sở Y tế
2	<b>Thông tin, truyền thông và vận động thay đổi hành vi về chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời</b>	#, % Trạm y tế xã, TTYT huyện, BV hoặc nơi có dịch vụ tiêm chủng cho trẻ có góc tư vấn dinh dưỡng đạt chuẩn Mặt trời bé thơ	≥ 30% cơ sở y tế	≥ 50% cơ sở y tế	Cơ sở y tế có phòng tư vấn dinh dưỡng đạt chuẩn Mặt trời bé thơ theo hướng dẫn của Viện Dinh dưỡng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Viện Dinh dưỡng
		# Bài báo, lần phát sóng trên đài truyền hình, đài phát thanh trung ương và địa phương về chăm sóc dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời	≥ 1 lần/huyện/ tháng	≥ 1 lần/huyện/ tháng	Số bài báo, lần phát sóng trên đài truyền hình, đài phát thanh trung ương và địa phương về chăm sóc dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm kiểm soát bệnh tật
		# Số chiến dịch truyền thông hưởng ứng Tuần lễ thế giới NCBSM, Tuần lễ Dinh dưỡng và phát triển, Ngày vi chất dinh dưỡng, các cuộc thi tìm hiểu, viết bài, họp báo, diễn đàn về NCBSM, nuôi dưỡng trẻ nhỏ	≥ 3 chiến dịch/ tỉnh/ năm	≥ 3 chiến dịch/ tỉnh/ năm	# Số chiến dịch truyền thông hưởng ứng Tuần lễ thế giới NCBSM, Tuần lễ Dinh dưỡng và phát triển, Ngày vi chất dinh dưỡng, các cuộc thi tìm hiểu, viết bài, họp báo, diễn đàn về NCBSM, nuôi dưỡng trẻ nhỏ	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm kiểm soát bệnh tật
		# Số tài liệu truyền thông dưới nhiều hình thức, ngôn ngữ phù hợp với các vùng, miền, dân tộc cho cơ sở y tế các cấp	≥ 1 bộ tài liệu/ tỉnh	≥ 1 bộ tài liệu/ tỉnh	# Số tài liệu truyền thông dưới nhiều hình thức, ngôn ngữ phù hợp với các vùng, miền, dân tộc cho cơ sở y tế các cấp	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm kiểm soát bệnh tật
		# phóng viên và cán bộ làm công tác thông tin, giáo dục, truyền thông tại các tuyến được đào tạo về chăm sóc dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời	≥ 50 người/ tỉnh/ năm	≥ 50 người/ tỉnh/ năm	# phóng viên và cán bộ làm công tác thông tin, giáo dục, truyền thông tại các tuyến được đào tạo về chăm sóc dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm kiểm soát bệnh tật

		#, % Hộ gia đình có phụ nữ mang thai và/ hoặc có con dưới 24 tháng tuổi được tư vấn đúng thời điểm tại hộ gia đình	≥ 50% hộ gia đình	≥ 70% hộ gia đình	# Hộ gia đình được tư vấn đúng thời điểm tại hộ gia đình theo hướng dẫn của VDD	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm kiểm soát bệnh tật
		# Câu lạc bộ dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời có hoạt động tại cơ sở	≥ 1 câu lạc bộ dinh dưỡng/ xã	≥ 1 câu lạc bộ dinh dưỡng/ xã	# Câu lạc bộ dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời có hoạt động tại cơ sở theo hướng dẫn của VDD	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm kiểm soát bệnh tật
<b>3</b>	<b>Chuyên môn kỹ thuật</b>	#, % phụ nữ mang thai được khám thai 4 lần trong 3 thai kỳ	70%	80%	Là số phụ nữ đẻ được khám thai 4 lần trong 3 thời kỳ thai nghén của lần đẻ này tính trên 100 phụ nữ đẻ của một khu vực trong kỳ báo cáo	Báo cáo định kỳ của hệ thống CSSKSS	Trung tâm kiểm soát bệnh tật
		#, % phụ nữ mang thai được tư vấn về chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và tại cộng đồng	70%	80%	Là số phụ nữ mang thai được tư vấn về chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và tại cộng đồng trên tổng phụ nữ mang thai	Báo cáo định kỳ của cơ sở y tế	Trung tâm kiểm soát bệnh tật
		#, % phụ nữ đẻ được nhân viên y tế có kỹ năng đỡ	80%	90%	Là số phụ nữ đẻ trong kỳ báo cáo được cán bộ y tế đã qua đào tạo tinh streen 100 phụ nữ đẻ của một khu vực trong cùng thời kỳ.	Báo cáo định kỳ của hệ thống CSSKSS	Trung tâm kiểm soát bệnh tật
		#, % bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc tại nhà trong 42 ngày đầu sau sinh	70%	80%	Là số bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc tại nhà trong 42 ngày đầu sau sinh	Báo cáo định kỳ của hệ thống CSSKSS	Trung tâm kiểm soát bệnh tật
		#, % phụ nữ mang thai được cung cấp viên sắt/ folic/đa vi chất từ khi mang thai đến 1 tháng sau sinh	70%	80%	Số phụ nữ mang thai được cung cấp viên đa vi chất từ khi mang thai đến 1 tháng sau sinh trên tổng số phụ nữ mang thai trên địa bàn	Báo cáo định kỳ của cơ sở y tế	Trung tâm kiểm soát bệnh tật
		#, % trẻ 6-36 tháng được uống Vitamin A	90%	95%	Số trẻ 6-36 tháng được uống Vitamin A trên tổng số trẻ trên địa bàn	Báo cáo định kỳ của cơ sở y tế	Trung tâm kiểm soát bệnh tật
		#, % trẻ 6-36 tháng bị suy dinh dưỡng được cung cấp bột đa vi chất	70%	80%	Số trẻ 6-36 tháng bị suy dinh dưỡng được cung cấp bột đa vi chất trên tổng số trẻ 6-36 tháng bị suy dinh dưỡng	Báo cáo định kỳ của cơ sở y tế	Trung tâm kiểm soát bệnh tật
		#, % trẻ < 5 tuổi được quản lý suy dinh dưỡng cấp tính tại cộng đồng	70%	80%	Số trẻ < 5 tuổi được quản lý suy dinh dưỡng cấp tính tại cộng đồng	Báo cáo định kỳ của cơ sở y tế	Trung tâm kiểm soát bệnh tật

		#, % trẻ dưới 24 tháng tuổi được cân đo hàng quý	95%	100%	Số trẻ dưới 24 tháng tuổi được cân đo hàng quý	Báo cáo định kỳ của hệ thống CSSKSS	Trung tâm kiểm soát bệnh tật
		#, % trẻ dưới 24 tháng tuổi suy dinh dưỡng được cân đo hàng tháng	95%	100%	Số trẻ dưới 24 tháng tuổi suy dinh dưỡng được cân đo hàng tháng	Báo cáo định kỳ của hệ thống CSSKSS	Trung tâm kiểm soát bệnh tật
		#, % Bệnh viện tuyến huyện trở lên đạt danh hiệu Bệnh viện Thực hành Nuôi con bằng sữa mẹ xuất sắc	≥ 30% cơ sở y tế tuyến huyện trở lên đạt danh hiệu	≥ 50% cơ sở y tế tuyến huyện trở lên đạt danh hiệu	Bệnh viện tuyến huyện trở lên đạt danh hiệu Bệnh viện Thực hành Nuôi con bằng sữa mẹ xuất sắc theo hướng dẫn Quyết định 3451/QĐ-BYT ngày 6/8/2019	Thống kê của Sở Y tế, Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em	Sở Y tế, Vụ SKBMTE
		% trẻ sơ sinh được thực hiện chăm sóc sơ sinh thiết yếu sớm EENC	≥ 80% sinh thường, ≥ 50% sinh mổ	≥ 90% sinh thường, ≥ 60% sinh mổ	Trẻ sơ sinh được chăm sóc sơ sinh thiết yếu sớm theo hướng dẫn của Bộ Y tế trên tổng số trẻ đẻ sống	Báo cáo định kỳ hàng năm của cơ sở y tế	Trung tâm kiểm soát bệnh tật (Khoa Sức khỏe sinh sản)
		% trẻ non tháng, nhẹ cân được thực hiện phương pháp Kangaroo	≥ 30%	≥ 50%	Trẻ non tháng ≤ 37 tuần, nhẹ cân < 2.000g ổn định được thực hiện phương pháp Kangaroo liên tục (≥20 tiếng/ngày, gián đoạn <30 phút/lần)	Báo cáo định kỳ hàng năm của cơ sở y tế	Trung tâm kiểm soát bệnh tật (Khoa Sức khỏe sinh sản)
		# Giảng viên tuyến tỉnh được tập huấn về các nội dung về chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời.	≥ 10 giảng viên tuyến tỉnh/ tỉnh	≥ 15 giảng viên tuyến tỉnh/ tỉnh	Giảng viên tuyến tỉnh được tập huấn theo nội dung Chương trình và tài liệu "Nuôi dưỡng trẻ nhỏ" đã được phê duyệt theo Quyết định 5063/QĐ-BYT ngày 5/12/2014	Báo cáo đào tạo của Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm kiểm soát bệnh tật (Khoa Sức khỏe sinh sản)
		#, % Cán bộ y tế làm công tác CSSKBMTE, chuyên trách dinh dưỡng cấp huyện được tập huấn về chăm sóc dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời và cập nhật kiến thức hàng năm	≥ 30% cán bộ y tế tuyến huyện	≥ 50% cán bộ y tế tuyến huyện	Cán bộ y tế tuyến huyện được tập huấn theo nội dung Chương trình và tài liệu "Nuôi dưỡng trẻ nhỏ" đã được phê duyệt theo Quyết định 5063/QĐ-BYT ngày 5/12/2014	Báo cáo đào tạo của Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm kiểm soát bệnh tật (Khoa Sức khỏe sinh sản)
		#, % Cán bộ y tế làm công tác CSSKBMTE, chuyên trách dinh dưỡng cấp xã và cộng tác viên dinh dưỡng được tập huấn về chăm sóc dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời và cập nhật kiến thức hàng năm	≥ 30% cán bộ y tế tuyến xã	≥ 50% cán bộ y tế tuyến xã	Cán bộ y tế tuyến xã/ thôn được tập huấn theo nội dung Chương trình và tài liệu "Nuôi dưỡng trẻ nhỏ" đã được phê duyệt theo Quyết định 5063/QĐ-BYT ngày 5/12/2014	Báo cáo đào tạo của Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm kiểm soát bệnh tật (Khoa Sức khỏe sinh sản)

		#, % Cán bộ hội phụ nữ các cấp được tập huấn về chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời	≥ 30% cán bộ hội phụ nữ	≥ 50% cán bộ hội phụ nữ	Cán bộ hội phụ nữ được tập huấn theo nội dung Chương trình và tài liệu "Nuôi dưỡng trẻ nhỏ" đã được phê duyệt theo Quyết định 5063/QĐ-BYT ngày 5/12/2014	Báo cáo đào tạo của Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Hội Phụ nữ
<b>4</b>	<b>Giám sát</b>	# Cán bộ y tế được đào tạo về giám sát hỗ trợ chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời	≥ 20 cán bộ/tỉnh	≥ 20 cán bộ/tỉnh	Số cán bộ y tế được đào tạo về giám sát hỗ trợ chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm kiểm soát bệnh tật
		Số tỉnh có bộ công cụ giám sát hỗ trợ về chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày			Có các sử dụng các bảng kiểm trong quá trình giám sát hỗ trợ kỹ thuật các tuyến	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm kiểm soát bệnh tật
		# Lần, đợt giám sát về triển khai chương trình giám sát 1000 ngày đầu đời	1 lần/ huyện/ quý	1 lần/ huyện/ quý	Số cuộc giám sát về triển khai chương trình giám sát 1000 ngày đầu đời	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm kiểm soát bệnh tật